

BỘ CÔNG THƯƠNG  
Số: 05/2008/QĐ-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 2008

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng  
quặng thiếc, vonfram và antimon giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2025**

### BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Thực hiện Thông báo số 5487/VPCP-CN ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc uỷ quyền cho Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) phê duyệt quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc, vonfram và antimon giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2025;*

*Xét Tờ trình số 402/TTr-NCPT ngày 24 tháng 10 năm 2007 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách công nghiệp;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch và Công nghiệp nặng,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc, vonfram và antimon giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2025 với các

nội dung chủ yếu sau đây:

## **I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

1. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến quặng thiếc, vonfram và antimon phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp Việt Nam, quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương, bảo đảm hài hoà lợi ích quốc gia và địa phương, tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến.
2. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến quặng thiếc, vonfram và antimon phù hợp với yêu cầu củng cố an ninh quốc phòng, bảo vệ các công trình văn hoá có giá trị và bảo vệ môi trường sinh thái tại các địa bàn có khoáng sản.
3. Phát triển bền vững, bảo đảm an toàn, có hiệu quả kinh tế công nghiệp khai thác, chế biến quặng thiếc, vonfram và antimon trên cơ sở khai thác hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên của đất nước và sử dụng nguyên liệu khoáng nhập khẩu.
4. Phát triển khai thác, chế biến quặng thiếc và antimon dựa vào nội lực là chính. Kết hợp nội lực và đầu tư nước ngoài để phát triển khai thác, chế biến quặng vonfram. Khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài tham gia sản xuất kim loại và hợp kim thiếc, vonfram và antimon có chất lượng và giá trị gia tăng cao.
5. Thực hiện trước một bước các hoạt động thăm dò nhằm tạo cơ sở tài nguyên quặng thiếc, vonfram và antimon tin cậy cho hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản tiếp theo.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

- Bảo đảm hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến quặng thiếc, vonfram và antimon có hiệu quả và bền vững, đáp ứng tối đa nhu cầu nguyên liệu của ngành luyện kim và các ngành công nghiệp khác, có một phần xuất khẩu hợp lý tinh quặng, các chế phẩm trung gian và kim loại.
- Tăng cường kỷ cương pháp luật trong công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên quặng thiếc, vonfram và antimon, bảo đảm khai thác an toàn, triệt để và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái tại các địa bàn có khoáng sản.

- Bảo đảm mục tiêu sản lượng thiếc thỏi các loại luyện từ nguồn quặng thiếc trong nước năm 2010 đạt khoảng 2.600 tấn; từ năm 2015 đạt trên 3.000 tấn. Giai đoạn sau 2010, tỷ trọng thiếc thỏi loại I trong tổng sản lượng luyện thiếc đạt trên 80%.
- Bảo đảm sản lượng khai tuyển (tính theo  $WO_3$  trong tinh quặng vonfram) và luyện hợp kim vonfram từ nguồn quặng vonfram trong nước năm 2010 đạt khoảng 3.600 tấn  $WO_3$  và khoảng 1.000 tấn hợp kim; từ năm 2015 đạt 4.900-5.000 tấn  $WO_3$  và 3.000-3.500 tấn hợp kim.
- Bảo đảm sản lượng antimon thỏi luyện từ nguồn quặng antimon trong nước năm 2010 đạt khoảng 1.000 tấn; từ năm 2015 đạt trên 1.600 tấn.

### **III. CÁC KHU VỰC CẤM, TẠM THỜI CẤM, HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN VÀ DỰ TRỮ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN THIẾC, VONFRAM, ANTIMON QUỐC GIA**

1. Khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản: quặng thiếc gốc Sơn Kim (có mỏ Khe Bún), huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
2. Khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia: sa khoáng thiếc Na Ca (khoảng 20 km<sup>2</sup>) và phần tài nguyên còn lại của sa khoáng thiếc Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.
3. Các mỏ, điểm quặng thiếc, vonfram, antimon thuộc diện cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản như sau:

| <b>TT</b> | <b>Tên mỏ, điểm khoáng sản</b>           | <b>Vị trí địa lý</b>                                                |
|-----------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1         | Thiếc Long Lanh                          | 3 xã Đa Nhím, Đưng K'Nớ và Đa Chais, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng |
| 2         | Thiếc Đa Thiện II (phía Bắc, TP. Đà Lạt) | Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                                           |
| 3         | Thiếc Thái Phiên                         | Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                                           |
| 4         | Thiếc Đông Thái Phiên                    | Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                                           |
| 5         | Thiếc Đồi 1534                           | Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                                           |

|   |                    |                                           |
|---|--------------------|-------------------------------------------|
| 6 | Thiếc Hòa Bắc      | Huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng              |
| 7 | Thiếc Bắc Xuân Thọ | Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                 |
| 8 | Antimon Khòn Rẹ    | xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn |

#### IV. NHU CẦU THIẾC, VONFRAM VÀ ANTIMON CỦA VIỆT NAM

1. Nhu cầu về thiếc, vonfram và antimon quý kim loại dự báo như sau:

*Đơn vị tính: tấn*

| TT | Chủng loại | năm 2010                 | năm 2015                 | năm 2020                 | năm 2025                 |
|----|------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1  | Thiếc      | 2.100-2.200<br>TB: 2.150 | 3.700-4.000<br>TB: 3.850 | 6.800-7.000<br>TB: 6.900 | 8.000-9.000<br>TB: 8.500 |
| 2  | Vonfram    | 650-700<br>TB: 660       | 800-900<br>TB: 850       | 930-1.000<br>TB: 980     | 1.100-1.200<br>TB: 1.150 |
| 3  | Antimon    | 900-1.000<br>TB: 950     | 1.100-1.300<br>TB: 1.200 | 1.700-2.000<br>TB: 1.850 | 2.000-2.400<br>TB: 2.200 |

2. Cân đối cung - cầu:

a. Cân đối sản lượng sản xuất, tiêu thụ trong nước và xuất nhập khẩu thiếc thời, các sản phẩm thiếc dự kiến như sau:

*Đơn vị tính: tấn*

| TT | Nội dung                                               | 2010  | 2015  | 2020  | 2025  |
|----|--------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| 1  | Nhu cầu (quy thiếc thời)                               | 2.150 | 3.850 | 6.900 | 8.500 |
| 2  | Sản xuất thiếc thời                                    | 2.570 | 3.040 | 3.020 | 3.000 |
| 3  | Tiêu thụ trong nước                                    | 1.170 | 2.040 | 2.520 | 2.500 |
| 4  | Xuất khẩu thiếc thời                                   | 1.400 | 1.000 | 500   | 500   |
| 5  | Nhập khẩu thiếc và các sản phẩm thiếc (quy thiếc thời) | 980   | 1.810 | 4.380 | 6.000 |

b. Cân đối sản lượng sản xuất, tiêu thụ trong nước và xuất nhập khẩu vonfram kim loại và các sản phẩm vonfram dự kiến như sau:

*Đơn vị tính: tấn*

| TT | Nội dung                                                         | 2010  | 2015  | 2020  | 2025  |
|----|------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| 1  | Nhu cầu (quy vonfram kim loại)                                   | 660   | 850   | 930   | 1.150 |
| 2  | Sản xuất tinh quặng (quy vonfram kim loại)                       | 2.770 | 3.730 | 3.800 | 3.770 |
| 3  | Tiêu thụ trong nước (quy vonfram kim loại)                       | 70    | 160   | 220   | 270   |
| 4  | Xuất khẩu tinh quặng và các sản phẩm khác (quy vonfram kim loại) | 2.700 | 3.570 | 3.580 | 3.500 |
| 5  | Nhập khẩu kim loại và các sản phẩm vonfram (quy kim loại)        | 590   | 690   | 750   | 880   |

c. Cân đối sản lượng sản xuất, tiêu thụ trong nước và xuất nhập khẩu antimon thỏi và các sản phẩm antimon dự kiến như sau:

*Đơn vị tính: tấn*

| TT | Nội dung                                                      | 2010  | 2015  | 2020  | 2025  |
|----|---------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| 1  | Nhu cầu (quy antimon thỏi)                                    | 950   | 1.200 | 1.850 | 2.200 |
| 2  | Sản xuất antimon thỏi và các sản phẩm khác (quy antimon thỏi) | 1.040 | 1.660 | 1.660 | 1.660 |
| 3  | Tiêu thụ trong nước (quy antimon thỏi)                        | 340   | 460   | 660   | 860   |
| 4  | Xuất khẩu antimon thỏi                                        | 700   | 1.200 | 1.000 | 800   |
| 5  | Nhập khẩu kim loại và các sản phẩm antimon (quy antimon thỏi) | 610   | 740   | 1.190 | 1.340 |